

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 208/2017/DS-PT

Ngày: 30/11/2017

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Nam

Các Thẩm phán:

Ông Lê Sơn Hà

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Quẫn Thị Ngọc Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa : Bà Hoàng Vĩnh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 120/2017/TLPT-DS ngày 20 tháng 8 năm 2017 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 15/6/2017 của Tòa án nhân dân quận ĐĐ, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 334/2017/QĐXX-PT ngày 06 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Bà An Quý T, sinh năm 1960

HKTT và hiện cư trú tại: số 22A ngõ 173/75 HHT, phường NH, quận BĐ, thành phố Hà Nội. *Có mặt tại phiên tòa.*

Bị đơn:

Ông Đình Quý L, sinh năm 1957

Hiện cư trú tại: số 11 nhà M12, ngõ 91/40 NCT, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà An Quý T trình bày:

Bà và ông Đinh Quý L có quen biết nhau từ trước nên ông L có nhiều lần vay tiền của bà, các lần vay tiền hai bên đều viết giấy vay nợ, cứ mỗi một lần vay tiền của bà, ông L đều viết giấy nhận nợ nhưng sau đó ông L lại vay tiếp thì bà và ông L lại viết giấy vay nợ mới và hủy giấy vay nợ cũ đi, do thời gian đã lâu nên bà không nhớ cụ thể ngày tháng năm. Đến cuối năm 2011 do ông L không có khả năng thanh toán trả nợ cho bà, nên ngày 21/12/2011 bà và ông L đã thống nhất viết gộp các giấy vay nợ vào một giấy vay tiền ngày 21/12/2011 với nội dung: ông L vay của bà T 700.000.000 đồng, trong giấy vay tiền này không ghi lãi suất, nhưng bà và ông L có thỏa thuận miệng với nhau là tính lãi theo lãi suất của nhà nước, Thời hạn vay đến tháng 6/2012 ông L sẽ thanh toán trả cho bà toàn bộ số nợ trên, trong giấy vay tiền này là đến tết âm lịch năm 2011 ông L sẽ thanh toán trả cho bà 200.000.000 đồng, số còn lại sẽ thanh toán đầy đủ. Do ông L sợ bà còn giữ những giấy vay nợ khác nên ông L còn viết ở phần cuối của giấy vay tiền này là mọi giấy tờ khác không có giá trị ngoài giấy này. Bà khẳng định giấy vay tiền ngày 21/12/2011 là tự tay ông L viết và ký, không ai ép buộc ông L.

Đến thời hạn thanh toán như ông L đã thỏa thuận trong giấy vay tiền ngày 21/12/2011 thì ông L không thanh toán trả cho bà một khoản tiền nào, bà đã nhiều lần tìm gặp ông L để yêu cầu ông L thanh toán trả bà số tiền 700.000.000 đồng tiền gốc và lãi theo thỏa thuận, nhưng ông L tránh mặt bà, bà chỉ gặp được ông L trên điện thoại, ông L có hứa hẹn với bà nhiều lần sẽ thanh toán trả nợ cho bà nhưng sau đó ông L không thực hiện, đã có lần bà và ông L to tiếng nên công an phường LH đã mời bà và ông L lên công an phường để giải quyết, tại Công an phường Láng Hạ ông L đã viết giấy cam đoan trả tiền cho bà ngày 22/10/2013, với nội dung: ngày 30/12/2013 trả 200.000.000 đồng; ngày 28/02/2014 trả 200.000.000 đồng; ngày 30/4/2014 trả 100.000.000 đồng; Ngày 30/06/2014 trả 200.000.000 đồng nhưng sau đó ông L cũng không thực hiện theo cam kết. Giấy cam kết này do ông L viết tại trụ sở Công an phường LH, hiện bản chính giấy cam kết này bà để ở đâu hiện chưa tìm thấy, bà chỉ có bản photo nộp cho tòa.

Nay bà đề nghị Tòa án xem xét buộc ông L phải thanh toán trả cho bà số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, cụ thể bà yêu cầu Tòa án tính lãi suất nợ quá hạn đối với số tiền 700.000.000 đồng kể từ ngày 1/7/2012 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Nếu ông L đồng ý thanh toán trả bà một lúc 500.000.000 đồng tiền gốc, bà sẽ miễn toàn bộ lãi cho ông L. Nếu ông L không đồng ý thì đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn, ông Đinh Quý L trình bày:

Ông và bà T quen biết nhau từ năm 1985, là hàng xóm với nhau trước đây nên khi cần tiền thì ông có hỏi bà T vay tiền. Các lần vay tiền của bà T ông đều đã thanh toán trả hết cho bà T. Đến năm 2007 ông cần tiền để giải quyết việc gia đình nên ông có hỏi vay bà T vay 200.000.000 đồng, bà T có cho ông vay và thỏa thuận lãi suất vay là 15%/tháng, ông đồng ý nên bà T có cho ông vay 200.000.000 đồng. Khi bà T cho ông vay tiền ông có viết giấy vay nợ với bà T với nội dung là ông vay của bà T 200.000.000 đồng, lãi suất 15%/tháng, thời hạn vay là 1 năm. Sau đó ông có trả lãi hàng tháng cho bà T còn gốc thì không trả được. Đến năm 2009 ông không có khả năng thanh toán cả gốc và lãi cho bà T nữa. Vì vậy đến tháng 02/2011 bà T có đến gặp ông và nói sẽ gộp cả gốc và lãi vào là 700.000.000 đồng và yêu cầu ông viết giấy vay nợ. Lúc này ông có viết giấy vay nợ cho bà T ngày 21/12/2011 với nội dung: ông vay của bà T 700.000.000 đồng, thời gian vay 6 tháng đến tháng 6/2012 sẽ trả 200.000.000 đồng trước, số còn lại sẽ trả dần sau, khi viết giấy nợ này ông có nói với bà T phải viết lãi riêng và gốc riêng nhưng bà T không đồng ý, mà yêu cầu ông phải viết gộp cả gốc và lãi từ 2009 đến 2011 tổng là 700.000.000 đồng. Thực tế thì bà T chưa bao giờ đưa cho ông vay số tiền 700.000.000 đồng tiền gốc, mà bà T chỉ đưa cho ông một lần duy nhất 200.000.000 đồng từ năm 2007. Ông xác nhận chữ viết và chữ ký trong giấy vay nợ ngày 21/12/2011 là do ông viết và ký.

Sau khi ông viết giấy vay nợ cho bà T ở trên, thì ông cũng không có khả năng thanh toán trả cho bà T khoản tiền nào, bà T đã nhiều lần gọi điện cho ông yêu cầu thanh toán số tiền 700.000.000 đồng nhưng ông chưa có khả năng để trả cho bà T vì số tiền gốc và lãi này quá nhiều. Đến tháng 9/2013 ông về quê do có người nhà mất, lúc này người nhà ông có gọi điện báo cho ông biết bà T có đưa khoảng 20 người thương binh và xã hội đến nhà ông gây áp lực để đòi số tiền 700.000.000 đồng trên. Lúc này những người

thương binh và xã hội đen gây áp lực với ông, nên ông đã hẹn bà T ra công an phường LH để giải quyết việc nợ. Khoảng 10 ngày sau, ông và bà T ra công an phường LH để làm việc thì bà T tiếp tục gọi những người thương binh và xã hội đến Công an phường LH để đánh ông, ông đã yêu cầu các cơ quan chức năng xem xét về việc này nhưng công an phường đã giải thích cho ông nên ông rút yêu cầu. Nhưng sau đó bà T vẫn thuê người đến gây áp lực cho gia đình ông, đòi phá cổng, cắt điện của gia đình ông. Ông đã yêu cầu công an phường, công an quận giải quyết, nên những người đòi nợ thuê không đến nữa. Tại công an phường LH, bà T ép ông viết giấy nợ mới với nội dung ông nợ bà T 700.000.000 đồng và yêu cầu ông trả nợ hết số tiền 700.000.000 đồng (giấy này không phải là giấy vay nợ ngày 21/12/2011) và giấy vay nợ này bà T cũng là người giữ. Lúc này bà T nói đã xé hết các giấy vay nợ cũ trước đây. Việc ông viết giấy vay nợ có sự chứng kiến của đồng chí K phó công an phường LH và đồng chí T cảnh sát khu vực Công an phường LH.

Nay ông xác nhận ông chỉ nợ bà T 200.000.000 đồng chứ không phải 700.000.000 đồng như bà T trình bày. Nếu bà T đồng ý thì ông sẽ trả ngay cho bà T số tiền 200.000.000 đồng trong vòng 3 tháng, nếu bà T không đồng ý lấy số tiền 200.000.000 đồng thì ông chỉ trả dần bà T mỗi tháng 1.000.000 đồng/ tháng .

Tại bản án số 03/2017/DS-ST ngày 15/6/2017 của Tòa án nhân dân quận DD đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà An Quý T đối với ông Đinh Quý L.
2. Buộc ông Đinh Quý L phải thanh toán trả nợ cho bà An Quý T tổng số tiền nợ là 968.660.000 đồng (chín trăm sáu mươi tám triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó số tiền nợ gốc là: 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng), số tiền nợ lãi là: 268.660.000 đồng (hai trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, ngày **26/6/2017**, bị đơn - ông Đinh Quý L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn - bà An Quý T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Bị đơn - ông Đinh Quý L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu:

Về tố tụng: Toà án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến quá trình xét xử tại phiên tòa.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi phân tích, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự để giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Bị đơn là ông Đinh Quý L có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên xác định là hợp lệ.

2. Về Nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy:

Do có quan hệ quen biết với nhau nên bà An Quý T đã nhiều lần cho ông Đinh Quý L vay tiền. Ngày 21/12/2011 ông L có viết giấy vay của bà T số tiền 700.000.000đồng, trong giấy nhận nợ hai bên không thỏa thuận về lãi suất mà chỉ thỏa thuận đến tháng 6 năm 2012 sẽ thanh toán hết. Đến hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng ông L không thanh toán trả nợ cho bà T được một khoản tiền nào. Bà T yêu cầu ông L phải thanh toán trả cho bà số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng và trả lãi của số tiền nợ gốc theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước quy định kể từ ngày 21/12/2011 cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm và số tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông L thanh toán hết khoản nợ gốc nêu trên.

Tại cấp sơ thẩm cũng như cấp phúc thẩm ông L chỉ thừa nhận vay của bà T số tiền 200.000.000đồng chứ không phải 700.000.000 đồng như trong giấy vay tiền ngày 21/12/2011. Ông L xác nhận chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền ngày 21/12/2011 là chữ viết và chữ ký của ông nhưng là do ông bị bà T ép viết tại Công an

phường LH. Tuy nhiên ông L không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc ông chỉ vay của bà T 200.000.000 đồng cũng như bị bà T ép viết giấy vay nợ vào ngày 21/12/2011.

Căn cứ vào biên bản làm việc ngày 09/5/2017 của Tòa án nhân dân quận ĐĐ với Công an phường LH xác định, Công an phường LH không biết việc ông L và bà T viết giấy vay nợ như thế nào.

Các biên bản ghi lời khai của ông L tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận ĐĐ do Tòa án cấp sơ thẩm thu thập thể hiện, ông L đều xác nhận vay của bà T số tiền 700.000.000 đồng (BL từ 133 đến 138).

Từ những căn cứ nêu trên có cơ sở xác định ông L vay của bà T số tiền 700.000.000 đồng. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông L phải trả bà T số tiền nợ gốc 700.000.000đ là có căn cứ, đúng pháp luật. Nội dung kháng cáo của ông L về việc ông chỉ nợ bà T 200.000.000đ là không có cơ sở, hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận đối với kháng cáo của ông L về nội dung này.

Về lãi suất: Giấy vay nợ ngày 21/12/2011, bà T và ông L không thỏa thuận về lãi suất. Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà T đề nghị Tòa án buộc ông L phải trả tiền lãi của số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng kể từ ngày 21/12/2011 cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm, theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định và số tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông L thanh toán hết khoản nợ gốc trên cho bà. Ông L cũng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà T khẳng định ông L chưa thanh toán cho bà một khoản tiền lãi nào. Ông L cũng không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc đã thanh toán tiền lãi cho bà T nên hội đồng xét xử xác định, từ khi vay tiền của bà T cho đến nay ông L chưa thanh toán trả cho bà T một khoản tiền nào. Căn cứ khoản 4 Điều 474, Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông L phải thanh toán cho bà T tiền lãi tính theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ là hoàn toàn có căn cứ.

Theo qui định tại Quyết định số 277/QĐ-NHNN ngày 03 tháng 3 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước quy định mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam là 7%/năm= 0,583%/tháng.

Số tiền lãi ông Đinh Quý L phải thanh toán trả cho bà An Quý T của số tiền nợ gốc 700.000.000đồng, tính từ ngày 21/12/2011 đến ngày 15/6/2017 là : $700.000.000 \text{ đồng} \times 65 \text{ tháng} \times 0,583\%/\text{tháng} = 268.660.000 \text{ đồng}$.

Buộc ông Đinh Quý L phải có trách nhiệm thanh toán trả cho bà T tổng số tiền là: 968.660.000 đồng (chín trăm sáu mươi tám triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) bao gồm:

+ Nợ gốc là: 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng chẵn)

+ Nợ lãi là: 268.660.000 đồng (Hai trăm sáu mươi tám triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Đinh Quý L.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

3. *Về án phí*: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 281, Điều 305, Điều 471, Điều 473, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 15/6/2017 của Tòa án nhân dân quận ĐĐ.

Phần Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà An Quý T đối với ông Đinh Quý L.

2. Buộc ông Đinh Quý L phải thanh toán trả nợ cho bà An Quý T tổng số tiền nợ là 968.660.000 đồng (chín trăm sáu mươi tám triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó số tiền nợ gốc là : 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng),

số tiền nợ lãi là: 268.660.000 đồng (hai trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày kế tiếp của ngày xét xử sơ thẩm, ông Đinh Quý L phải tiếp tục trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng.

3. Về án phí: Ông Đinh Quý L phải chịu 41.059.800 đồng (bốn mươi một triệu không trăm năm mươi chín nghìn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận ông Đinh Quý L đã nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm số 0005832 ngày 03/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận ĐĐ. Số tiền án phí còn lại ông L phải nộp là 41.059.800 đồng (bốn mươi một triệu không trăm năm mươi chín nghìn tám trăm đồng).

Bà An Quý T được nhận lại số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0004297 ngày 08/7/2016 tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận ĐĐ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Tòa án nhân dân quận ĐĐ;
- Chi cục THADS quận ĐĐ;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Nam

